

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**
Số: 19/2020/CBTT/SSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Tp Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Mã chứng khoán: không có
Trụ sở chính: Phòng 2201, Lầu 22 và Phòng 805, Lầu 08, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 6299 8000 Fax: 028 6299 4232
Người thực hiện công bố thông tin: Ông HAN BOKHEE - Chủ tịch Hội đồng thành viên
Địa chỉ: Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại (Cơ quan): 028 6299 8000 Fax: 028 62994232
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
VÀ CÔNG VẤN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM**

Địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo:
<https://shinhansec.com.vn/tin/ssv-vn-278.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 14 tháng 08 năm 2020

Đại diện tổ chức



HAN BOKHEE

Chủ tịch Hội đồng thành viên

SHINHAN SECURITIES VIETNAM

No.: 19/2020/CBTT/SSV

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

---o0o---

DISCLOSE INFORMATION ON ELECTRIC PORTAL OF SSC

- To:**
- **State Securities Commission**
 - **Ho Chi Minh Stock Exchange**
 - **Ha Noi Stock Exchange**

Company name: SHINHAN SECURITIES VIET NAM CO., LTD
Stock code: n/a
Address: Room 2201, Floor 22 and Room 805, Floor 08, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6. Dist 3, Ho Chi Minh City
Tel: 028 6299 8000 Fax: 028 62994232
The discloser: Mr. HAN BOKHEE – Chairman of Members’ Council
Address: Room 2201, Floor 22, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6. Dist 3, Ho Chi Minh City
Tel (Office): 028 6299 8000 Fax: 028 6299 4232
Type of disclosure information: 24h 72h Demand Irregular Regular
Content of disclosure:

**EXAMINED SEMI-ANNUAL FINANCIAL STATEMENT YEAR 2020
and EXPLANATION LETTER OF BUSINESS RESULT
OF SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD**

Address of electronic information page publishes the report:

<https://shinhansec.com.vn/news/ssv-309.html>

We hereby commit to the information published in here is true and legally responsible for the contents of the disclosure information.

HCMC, date: 14th August 2020

Organization representative



HAN BOKHEE

Chairman of Members’ Council



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(đã được soát xét)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74

Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được sở hữu bởi Shinhan Investment Corp (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 02 năm 2016 và điều chỉnh lần 03 với số giấy phép điều chỉnh là 18/GPĐC-UBCK ngày 24/04/2020 về việc thay đổi địa chỉ.

Trụ sở của Công ty tại: Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Han Bok Hee	Chủ tịch
Ông Kim JaeHyun	Thành viên
Ông Yang SeungWon	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kwon Hyuk Jun	Tổng Giám đốc
Ông Kang Sang In	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Im Hyuk	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Phú	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74

Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Kang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2020

Số: 120820.028/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam được lập ngày 12 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		818.642.113.154	753.727.169.789
110	I. Tài sản tài chính		816.123.925.875	751.261.104.143
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	13.883.791.999	213.143.306.701
111.1	1.1 Tiền		8.883.791.999	11.143.306.701
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	202.000.000.000
112	3. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	762.005.900.900	426.005.870.550
113	4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	-	100.000.000.000
114	5. Các khoản cho vay	5	15.857.312.253	-
117	6. Các khoản phải thu	6	22.215.077.933	11.936.394.546
117.2	6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		22.215.077.933	11.936.394.546
117.4	6.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		22.215.077.933	11.936.394.546
118	7. Trả trước cho người bán	7	2.071.509.375	99.509.375
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	86.550.321	76.022.971
122	9. Các khoản phải thu khác	6	3.783.094	-
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		2.518.187.279	2.466.065.646
131	1. Tạm ứng		1.079.664.543	1.079.664.543
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	8	253.560.000	253.560.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.047.312.037	1.132.841.103
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		137.650.699	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		339.860.176.829	150.436.520.557
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		321.240.800.000	130.280.109.589
212	1. Các khoản đầu tư	11	321.240.800.000	130.280.109.589
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		321.240.800.000	130.280.109.589
220	II. Tài sản cố định		16.702.347.086	18.785.897.097
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	9.645.406.779	10.916.367.058
222	- Nguyên giá		25.168.342.049	25.135.622.049
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.522.935.270)	(14.219.254.991)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	7.056.940.307	7.869.530.039
228	- Nguyên giá		14.651.775.600	14.651.775.600
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.594.835.293)	(6.782.245.561)
250	V. Tài sản dài hạn khác		1.917.029.743	1.370.513.871
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	1.097.880.000	531.780.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	512.585.589	544.499.488
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		306.564.154	294.234.383
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.158.502.289.983	904.163.690.346

100
C
HẠN
HO

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		244.346.419.344	6.096.555.844
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		244.346.419.344	6.096.555.844
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	238.757.500.000	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		238.757.500.000	-
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	32.191.931	26.825.222
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	16	360.986.302	360.986.302
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.257.446.743	5.114.986.628
323	6. Phải trả người lao động		122.662.500	-
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		184.446.687	8.835.328
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	613.230.146	302.533.993
326	9. Phải trả nội bộ ngắn hạn		17.955.035	17.955.035
327	10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	144.433.336
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	120.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		914.155.870.639	898.067.134.502
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	914.155.870.639	898.067.134.502
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		812.600.000.000	812.600.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.732.438.001	3.732.438.001
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.732.438.001	3.732.438.001
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		94.090.994.637	78.002.258.500
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		94.082.277.856	77.995.724.892
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		8.716.781	6.533.608
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.158.502.289.983	904.163.690.346

111
ĐANG
HIỆT
S KÍ
AA
V KI

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại		181.841	95.333
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	303	286
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	232.196.680.000	191.487.540.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		221.871.880.000	191.458.540.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		10.000.000.000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		324.800.000	29.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	250.000.000.000	250.000.000.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		250.000.000.000	250.000.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23	-	42.400.000

S-C
 T-Y
 HUUH
 H TC
 SC
 M-V

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
026	4. Tiền gửi của khách hàng	24	20.977.385.171	956.486.605
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		9.483.581.078	914.883.388
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		38.782.586	23.905.716
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		11.455.021.507	17.697.501
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		11.441.203.007	3.980.000
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		13.818.500	13.717.501
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	20.973.150.831	952.252.265
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		20.088.041.452	51.228.573
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		885.109.379	901.023.692
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26	4.234.340	4.234.340



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởng

Kang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ*06 tháng đầu năm 2020*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	23.060.689.380	22.401.532.809
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	767.000	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	23.059.922.380	22.401.532.809
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	28.a) 9.217.698.645	10.147.656.440
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.a) 26.054.149	-
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28.c) 11.588.482.995	344.092.383
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28.c) 200.000.000	-
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28.c) 60.047.033	38.856.000
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	28.b) 6.131.864.586	16.356.482.193
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	-	(1.021.254)
20	Cộng doanh thu hoạt động		50.284.836.788	49.287.598.571
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	736.650	172.800
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	736.650	172.800
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	4.931.507	-
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	29.a) 5.070.341.231	4.104.536.505
30	2.4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	76.678.726	27.310.482
31	2.5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	29.b) 8.903.335.841	6.844.511.159
40	Cộng chi phí hoạt động		14.056.023.955	10.976.530.946
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	24.381.647	23.074.415
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	7.070.188	7.214.970
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		31.451.835	30.289.385

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	31		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		19.209.772	9.021.235
52	4.2 Chi phí lãi vay		1.458.519.709	3.614.199.340
60	Cộng chi phí tài chính		1.477.729.481	3.623.220.575
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	14.671.612.428	8.953.031.948
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		20.110.922.759	25.765.104.487
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		2.112	1.081
72	8.2 Chi phí khác		4.700	162
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(2.588)	919
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		20.110.920.171	25.765.105.406
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		20.104.644.882	25.742.383.092
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		6.275.289	22.722.314
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	4.022.184.034	5.153.021.082
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		4.022.184.034	5.153.021.082
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		16.088.736.137	20.612.084.324
400	Tổng thu nhập toàn diện		16.088.736.137	20.612.084.324

(Signature)

(Signature)



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởng

Kang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu	06 tháng đầu
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		20.110.920.171	25.765.105.406
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		(18.653.603.340)	(15.359.615.214)
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.116.270.011	2.110.417.914
05	- Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(6.244.939)	-
06	- Chi phí lãi vay		1.458.519.709	3.614.199.340
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.070.188)	1.021.254
08	- Dự thu tiền lãi		(22.215.077.933)	(21.085.253.722)
10	3. Tăng các chi phí tiền tệ		736.650	172.800
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		736.650	172.800
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(767.000)	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(767.000)	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(439.454.896.310)	(93.645.659.701)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(336.000.000.000)	(44.187.110.651)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(90.960.690.411)	(42.452.000.000)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(15.857.312.253)	-
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		11.936.394.546	9.126.235.637
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(10.527.350)	(11.943.968.751)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(3.783.094)	-
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(716.080.470)	(309.702.255)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(302.533.993)	(169.255.631)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		117.442.965	156.134.826
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.542.449.482)	(5.422.518.270)
44	- Lãi vay đã trả		(845.289.563)	(1.649.095.892)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(1.972.000.000)	1.878.879.000
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		175.611.359	150.434.572
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(337.274.437)	982.963.889
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		122.662.500	48.052.100
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(259.066.627)	145.291.725
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(437.997.609.829)	(83.239.996.709)

35 - C
TY
THUHH
EM TOI
SC
M - TP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu	06 tháng đầu
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(32.720.000)	(318.175.000)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.070.188	-
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(25.649.812)</i>	<i>(318.175.000)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
73	1. Tiền vay gốc		309.757.500.000	333.137.931.034
73.2	1.1 Tiền vay khác		309.757.500.000	333.137.931.034
74	2 Tiền chi trả nợ gốc vay		(71.000.000.000)	(219.000.000.000)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(71.000.000.000)	(219.000.000.000)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>238.757.500.000</i>	<i>114.137.931.034</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(199.265.759.641)	30.579.759.325
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		213.143.306.701	15.730.581.116
101.1	- Tiền		11.143.306.701	15.730.581.116
101.2	- Các khoản tương đương tiền		202.000.000.000	-
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	13.883.791.999	46.310.340.441
103.1	- Tiền		8.883.791.999	2.310.340.441
103.2	- Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	44.000.000.000
104	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.244.939	-



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		31.473.818.901	14.305.551.744
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(74.163.087.520)	(16.460.954.668)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		157.126.875.775	16.748.592.289
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(94.416.708.590)	(13.776.686.630)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		154.331.716	260.132.205
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(154.331.716)	(260.132.205)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		20.020.898.566	816.502.735
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		956.486.605	428.603.543
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		956.486.605	428.603.543
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		914.883.388	346.538.543
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		23.905.716	32.295.000
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		17.697.501	49.770.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	24	20.977.385.171	1.245.106.278
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		20.977.385.171	1.245.106.278
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		9.483.581.078	1.183.910.687
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		38.782.586	12.570.591
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		11.455.021.507	48.625.000

Handwritten signature

Handwritten signature



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởng

Kang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
06 tháng đầu năm 2020

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ		
		01/01/2019		06 tháng đầu năm 2019		06 tháng đầu năm 2020		30/06/2019		30/06/2020
		VND	VND	Tăng	Giảm	VND	Giảm	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000	-	-	-	-	812.600.000.000	812.600.000.000	812.600.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		812.600.000.000	812.600.000.000	-	-	-	-	812.600.000.000	812.600.000.000	812.600.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		743.856.969	3.732.438.001	-	-	-	-	743.856.969	3.732.438.001	3.732.438.001
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		743.856.969	3.732.438.001	-	-	-	-	743.856.969	3.732.438.001	3.732.438.001
4. Lợi nhuận chưa phân phối		25.030.314.910	78.002.258.500	20.615.757.616	3.673.292	16.092.828.253	4.092.116	45.642.399.234	94.090.994.637	94.090.994.637
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		25.024.632.976	77.995.724.892	20.592.862.502	172.800	16.086.552.964	-	45.617.322.678	94.082.277.856	94.082.277.856
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		5.681.934	6.533.608	22.895.114	3.500.492	6.275.289	4.092.116	25.076.556	8.716.781	8.716.781
TỔNG CỘNG		839.118.028.848	898.067.134.502	20.615.757.616	3.673.292	16.092.828.253	4.092.116	859.730.113.172	914.155.870.639	914.155.870.639

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởng



Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2020

(Vertical stamp on the right margin)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2020

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được sở hữu bởi Shinhan Investment Corp (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 02 năm 2016 và điều chỉnh lần 03 với số giấy phép điều chỉnh là 18/GPĐC-UBCK ngày 24/04/2020 về việc thay đổi địa chỉ.

Trụ sở của Công ty tại: Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 812.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 812.600.000.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Thiết bị văn phòng	08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	08 năm

2.7 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Hội đồng Thành viên. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

Quỹ	Mức trích từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bất buộc	5%	10% vốn điều lệ

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.14 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

105.
STY
KHUU
M T
SC
1-TP

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.15 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.16 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay.

2.17 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếm trên 90% tỷ trọng toàn bộ hoạt động của Công ty và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	1.200.230	351.520.909.589
- Trái phiếu	1.200.230	351.520.909.589
Của nhà đầu tư	5.205.729	105.597.669.400
- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	5.205.729	105.597.669.400
	6.405.959	457.118.578.989

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	134.519.000	68.618.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	8.749.272.999	11.074.688.701
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	202.000.000.000
	13.883.791.999	213.143.306.701

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 3,9%/năm.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	3.429.058	5.900.900	3.429.058	5.870.550
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	203.000.000.000	203.000.000.000	208.000.000.000	208.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	244.000.000.000	244.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	71.000.000.000	71.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	155.000.000.000	155.000.000.000	-	-
	762.003.429.058	762.005.900.900	426.003.429.058	426.005.870.550

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi của Công ty có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,75%/năm đến 7,2%/năm.

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trái phiếu kỳ hạn 02 năm của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Đáo hạn ngày 16/05/2020)	-	100.000.000.000
	-	100.000.000.000

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

c) Các khoản cho vay

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Hoạt động margin	15.855.956.700	-
Hoạt động ứng trước tiền bán	1.355.553	-
	<u>15.857.312.253</u>	<u>-</u>

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	22.189.627.534	11.936.394.546
Phải thu lãi hoạt động Margin	25.450.399	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	86.550.321	76.022.971
Phải thu khác	3.783.094	-
	<u>22.305.411.348</u>	<u>12.012.417.517</u>

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>
	VND	VND
Công ty TNHH EUNMIN S&D Việt Nam	1.972.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	99.509.375	99.509.375
	<u>2.071.509.375</u>	<u>99.509.375</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	253.560.000	253.560.000
	<u>253.560.000</u>	<u>253.560.000</u>

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phí bảo trì phần mềm, hệ thống	566.099.377	875.428.980
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	481.212.660	257.412.123
	<u>1.047.312.037</u>	<u>1.132.841.103</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phí phần mềm	208.706.529	106.058.341
Chi phí trả trước dài hạn khác	303.879.060	438.441.147
	<u>512.585.589</u>	<u>544.499.488</u>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

10 . CẦM CỔ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ tiền thuê văn phòng	1.082.880.000	516.780.000
Cầm cổ, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	15.000.000	15.000.000
	1.097.880.000	531.780.000

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	321.240.800.000	130.280.109.589
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới di động	-	30.280.109.589
- Trái phiếu Công ty Cổ phần An Phát Xanh ⁽¹⁾	100.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ⁽²⁾	121.240.800.000	-
- Trái phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ⁽³⁾	100.000.000.000	-
	321.240.800.000	130.280.109.589

(1) Trái phiếu Công ty Cổ phần An Phát Xanh có số lượng 100 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn 3 năm, trái phiếu với lãi suất 6,7%/năm;

(2) Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan có số lượng 1.200.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn 3 năm, trái phiếu với lãi suất 10%/năm;

(3) Trái phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam có số lượng 100 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn 3 năm, trái phiếu với lãi suất 9%/năm.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	1.289.081.100	13.348.726.992	10.497.813.957	25.135.622.049
Mua trong kỳ	-	-	32.720.000	32.720.000
Tại ngày 30/06/2020	1.289.081.100	13.348.726.992	10.530.533.957	25.168.342.049
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	1.160.173.010	6.272.092.590	6.786.989.391	14.219.254.991
Khấu hao trong kỳ	64.454.058	824.365.626	414.860.595	1.303.680.279
Tại ngày 30/06/2020	1.224.627.068	7.096.458.216	7.201.849.986	15.522.935.270
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	128.908.090	7.076.634.402	3.710.824.566	10.916.367.058
Tại ngày 30/06/2020	64.454.032	6.252.268.776	3.328.683.971	9.645.406.779

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.788.205.107 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	314.420.000	14.337.355.600	14.651.775.600
Tại ngày 30/06/2020	314.420.000	14.337.355.600	14.651.775.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	-	6.782.245.561	6.782.245.561
Khấu hao trong kỳ	-	812.589.732	812.589.732
Tại ngày 30/06/2020	-	7.594.835.293	7.594.835.293
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	314.420.000	7.555.110.039	7.869.530.039
Tại ngày 30/06/2020	314.420.000	6.742.520.307	7.056.940.307

Giá trị quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 293/9 Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh với diện tích 36,98 m²; đang được sử dụng làm nhà kho cất trữ hồ sơ tài liệu của Công ty.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . VAY VÀ NỢ

	<u>01/01/2020</u>	<u>Số vay trong kỳ</u>	<u>Số trả trong kỳ</u>	<u>30/06/2020</u>
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	309.757.500.000	(71.000.000.000)	238.757.500.000
Ngân hàng TNHH Shinhan HongKong (*)	-	232.757.500.000	-	232.757.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	-	71.000.000.000	(71.000.000.000)	-
Ngân hàng Woori Việt Nam (**)	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
	-	309.757.500.000	(71.000.000.000)	238.757.500.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng tín dụng số 2020-03-SSV ngày 20/03/2020 với một số điều khoản sau:

- + Hạn mức vay: 10.000.000 USD;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: đến 31/12/2020;
- + Gốc vay tại thời điểm 30/06/2020 là: 10.000.000 USD tương đương 232.757.500.000 đồng;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi theo lãi suất LIBOR kỳ hạn 3 tháng và cộng biên độ 1,15%/năm, thanh toán lãi định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.

(**) Hợp đồng tín dụng số VN120009443 ngày 18/05/2020 với một số điều khoản sau:

- + Hạn mức vay: 209,7 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Gốc vay tại thời điểm 30/06/2020 là: 6 tỷ đồng;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	19.734.873	12.779.421
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	12.457.058	14.045.801
	<u>32.191.931</u>	<u>26.825.222</u>

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Jeong San Vina	360.986.302	360.986.302
	<u>360.986.302</u>	<u>360.986.302</u>

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	437.272.057	180.188.474
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.492.593.934	4.012.859.382
Thuế Thu nhập cá nhân	316.440.765	894.069.558
Các loại thuế khác	11.139.987	27.869.214
	<u>4.257.446.743</u>	<u>5.114.986.628</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	613.230.146	-
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	-	302.533.993
	<u>613.230.146</u>	<u>302.533.993</u>

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2020</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Shinhan Investment Corp.	100%	812.600.000.000	100%	812.600.000.000
	<u>100%</u>	<u>812.600.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>812.600.000.000</u>



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	94.082.277.856	77.995.724.892
Lợi nhuận chưa thực hiện	8.716.781	6.533.608
	<u>94.090.994.637</u>	<u>78.002.258.500</u>

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	77.995.724.892	25.030.314.910
Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	8.716.781	25.076.556
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	16.086.552.964	20.587.007.768
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	94.082.277.856	45.617.322.678
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế	<u>94.082.277.856</u>	<u>45.617.322.678</u>

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	303	286
	<u>303</u>	<u>286</u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	221.871.880.000	191.458.540.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10.000.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	324.800.000	29.000.000
	<u>232.196.680.000</u>	<u>191.487.540.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	250.000.000.000	250.000.000.000
	<u>250.000.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	-	42.400.000
	-	42.400.000

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	9.483.581.078	914.883.388
1. Nhà đầu tư trong nước	8.635.613.931	51.518.785
2. Nhà đầu tư nước ngoài	847.967.147	863.364.603
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	38.782.586	23.905.716
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	11.455.021.507	17.697.501
1. Nhà đầu tư trong nước	11.441.203.007	3.980.000
2. Nhà đầu tư nước ngoài	13.818.500	13.717.501
	20.977.385.171	956.486.605

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.973.150.831	952.252.265
1.1. Nhà đầu tư trong nước	20.088.041.452	51.228.573
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	885.109.379	901.023.692
	20.973.150.831	952.252.265

26 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	4.234.340	4.234.340
	4.234.340	4.234.340

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	15.855.956.700	-
1.1 Phải trả gốc margin	15.855.956.700	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	15.855.956.700	-
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.355.553	-
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.355.553	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	1.355.553	-
	15.857.312.253	-

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

28 . THU NHẬP

a) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	23.059.922.380	22.401.532.809
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	9.217.698.645	10.147.656.440
Từ các khoản cho vay	26.054.149	-
	32.303.675.174	32.549.189.249

b) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu phí tư vấn tìm đối tác tiềm năng cho khách hàng	-	1.536.615.200
Thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động công ty mục tiêu của khách hàng	-	1.299.185.175
Thu phí dịch vụ tư vấn, giám sát hoạt động liên quan đến thỏa thuận cấp tín dụng và hoạt động thu xếp tín dụng	6.131.864.586	13.520.681.818
	6.131.864.586	16.356.482.193

c) Doanh thu hoạt động khác

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	508.482.995	344.092.383
Doanh thu môi giới khác	11.080.000.000	-
Thu phí tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu	200.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	60.047.033	38.856.000
	11.848.530.028	382.948.383

29 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

a) Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí giao dịch chứng khoán	79.451.417	53.433.826
Chi phí khấu hao	1.598.762.496	1.595.694.621
Chi phí nhân viên	1.718.177.462	491.432.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.430.145.656	1.718.766.120
Chi phí bằng tiền khác	243.804.200	245.208.998
	5.070.341.231	4.104.536.505

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
b) Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		
Chi phí nhân viên	6.057.590.786	4.906.957.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.726.994.951	1.756.845.315
Chi phí khác	118.750.104	180.708.746
	8.903.335.841	6.844.511.159
30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.381.647	23.074.415
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.136.708	179.301
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.244.939	22.895.114
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	7.070.188	7.214.970
	31.451.835	30.289.385
31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	19.209.772	9.021.235
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.209.772	9.021.235
Chi phí lãi vay	1.458.519.709	3.614.199.340
	1.477.729.481	3.623.220.575
32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	9.801.576.129	5.495.815.101
Chi phí vật tư văn phòng	27.260.000	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	37.280.832	56.486.443
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	516.485.016	514.723.293
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	7.485.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.479.896.800	2.053.720.294
Chi phí khác	806.113.651	824.801.817
	14.671.612.428	8.953.031.948

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.110.920.171	25.765.105.406
Thu nhập chịu thuế TNDN	20.110.920.171	25.765.105.406
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.022.184.034	5.153.021.082

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản trương đương tiền	13.883.791.999	-	213.143.306.701	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	762.005.900.900	-	426.005.870.550	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	321.240.800.000	-	230.280.109.589	-
Các khoản cho vay	15.857.312.253	-	-	-
Các khoản phải thu	22.305.411.348	-	12.012.417.517	-
	1.135.293.216.500	-	881.441.704.357	-
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Vay và nợ			238.757.500.000	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			411.133.268	525.766.559
Chi phí phải trả			613.230.146	302.533.993
			239.781.863.414	828.300.552

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và khoản tiền gửi có kỳ hạn được phân loại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) do tính không chắc chắn về giá tương lai của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	762.005.900.900	-	-	762.005.900.900
	<u>762.005.900.900</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>762.005.900.900</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	426.005.870.550	-	-	426.005.870.550
	<u>426.005.870.550</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>426.005.870.550</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, đầu tư trái phiếu dài hạn và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản trương đương tiền	13.883.791.999	-	-	13.883.791.999
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	321.240.800.000	-	321.240.800.000
Các khoản cho vay	15.857.312.253	-	-	15.857.312.253
Các khoản phải thu	22.305.411.348	-	-	22.305.411.348
	52.046.515.600	321.240.800.000	-	373.287.315.600
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản trương đương tiền	213.143.306.701	-	-	213.143.306.701
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000	130.280.109.589	-	230.280.109.589
Các khoản phải thu	12.012.417.517	-	-	12.012.417.517
	325.155.724.218	130.280.109.589	-	455.435.833.807

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	238.757.500.000	-	-	238.757.500.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	411.133.268	-	-	411.133.268
Chi phí phải trả	613.230.146	-	-	613.230.146
	239.781.863.414	-	-	239.781.863.414

001
 CÔNG
 CHỨNG
 KHOÁN
 SHINHAN
 VIỆT NAM
 AA
 KIỂM

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Tại ngày 01/01/2020

Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	525.766.559	-	-	525.766.559
Chi phí phải trả	302.533.993	-	-	302.533.993
	828.300.552	-	-	828.300.552

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đang thuê 2 phòng tại tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh làm trụ sở kinh doanh chi tiết như sau:

- Phòng 2201 lầu 22 có diện tích 264 m². Hợp đồng thuê có thời hạn 03 năm, hết hạn vào ngày 31 tháng 07 năm 2021, giá thuê 517.500 đồng/m²/tháng, tiền thuê thanh toán mỗi 3 tháng;

- Phòng 805 lầu 08 có diện tích 200 m². Hợp đồng thuê có thời hạn thuê 15/02/2020 đến 31/03/2023 với đơn giá tiền thuê là 775.500 đồng/m²/tháng, tiền thuê thanh toán mỗi 3 tháng.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	06 tháng đầu	06 tháng đầu	
	năm 2020	năm 2019	
	VND	VND	
Doanh thu	4.838.845.487	1.754.595.172	
Shinhan Investment Corp.	Công ty mẹ	4.000.004.318	908.933.928
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	838.841.169	845.661.244
Mua hàng	808.722.737	333.401.550	
Shinhan Investment Corp.	Công ty mẹ	334.272.699	279.765.249
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	1.650.000	53.636.301
Ngân hàng Shinhan Hong Kong (phí cam kết hợp đồng tín dụng)	Cùng Tập đoàn	472.800.038	-
Vay vốn	233.230.300.038	233.137.931.034	
Ngân hàng Shinhan Hong Kong	Cùng Tập đoàn	233.230.300.038	233.137.931.034

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-
74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		13.524.912.045	9.218.704.863
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	13.524.912.045	9.218.704.863
Tiền gửi có kỳ hạn		203.000.000.000	208.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	203.000.000.000	208.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		10.177.260.274	4.328.027.397
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	10.177.260.274	4.328.027.397
Phải trả khác		17.955.035	17.955.035
Shinhan Investment Corp.	Công ty mẹ	17.955.035	17.955.035

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu	06 tháng đầu
	năm 2020	năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc	2.668.225.575	2.618.568.197

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập



Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2020

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**
SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD
Số/No.: 34.1.2020.CV-SSV
(V/v Giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh nửa đầu năm 2020)
(Ref. Explain about business result in
1H.2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
.....00o.....

TPHCM, ngày/day 12 tháng/month 7 năm/year 2020

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

To: - State Securities Committee
- Ho Chi Minh Stock Exchange
- Hanoi Stock Exchange

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.

Pursuant to Laws on Securities No.70/2006/QH1 dated 29/06/2006 and modified Laws of Securities No. 62/2010/QH12 dated 24/11/2010.

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

Pursuant to Circular No. 155/2015/TT-BTC dated 06/10/2015.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam xin được giải trình về tình hình lãi của hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

Shinhan Securities Vietnam explain about profits of business result in the first 6 months of the year 2020 as bellows:

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty chủ yếu tăng doanh thu mảng môi giới chứng khoán, doanh thu hoạt động đầu tư tài chính thay đổi không đáng kể và doanh thu hoạt động tư vấn tài chính giảm mạnh. Trong khi đó chi phí hoạt động kinh doanh tăng mạnh. Vì vậy, công ty chúng tôi lãi 6 tháng đầu năm 2020 với số tiền 16,088,736,137 đồng so với mức lãi 20,612,084,324 của 6 tháng đầu năm 2019, tương ứng giảm gần 22% so với năm 2019.

In the first 6 months of 2020, the Company mainly increased revenue from securities brokerage, revenue from financial investment activities did not change significantly and revenue from financial consulting activities decreased sharply. Meanwhile operating expenses increased sharply. Therefore, our company profits in the first 6 months of 2020 with the amount of VND 16,088,736,137 compared with the interest rate of 20,612,084,324 in the first 6 months of 2019, corresponding to decrease of nearly 22% compared to 2019.

Trên đây là toàn bộ nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020, Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam giải trình để cơ quan chủ quản được rõ.

There in before is all contents explain about business operation result in quarter 02/2020, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd explain to in charge institution cleared.

Trân trọng,
Best Regards,

Nơi nhận/ Recipient:

- Như trên/ as above;
- Lưu văn thư/ filing;

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
ON BEHALF OF GENERAL DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



KANG SANG IN